

Số: *09* /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *05* tháng *02* năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-SoNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước



trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTN, Thu (12 bản) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09./2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết các khoản 6, 7 và 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chất thải rắn xây dựng* là chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng.

2. *Chất thải rắn xây dựng thông thường* là chất thải rắn xây dựng không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

3. *Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu* là bùn được thu gom từ bể tự hoại và công trình vệ sinh.

4. *Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và*

bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, cá nhân có phát sinh hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

5. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định pháp luật.

6. Chủ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở xử lý chất thải có chức năng tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG VÀ QUY HOẠCH ĐỊA ĐIỂM ĐỔ CHẤT THẢI TỪ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 4. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng được phân loại ngay tại nơi phát sinh để tái sử dụng, tái chế và xử lý theo quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường và theo Danh mục chất thải xây dựng và phá dỡ quy định tại Nhóm mã chất thải 11 Phần C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chất thải nguy hại phân loại riêng và quản lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng có lẫn với chất thải nguy hại thì thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 5. Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng lưu giữ theo loại đã được phân loại bằng thiết bị hoặc khu vực lưu giữ trong khuôn viên của công trình xây dựng.

2. Thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng bố trí ở nơi tránh bị ngập nước hoặc nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ, không làm phát tán bụi, mùi, nước thải ra môi trường trong quá trình lưu giữ, không gây cản trở giao thông của khu vực; ghi hoặc dán nhãn thông tin tên chất thải, mã chất thải, ký hiệu phân loại quy định tại Nhóm mã chất thải 11 Phần C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị và diện tích khu vực lưu giữ. Thời gian lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 6. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng tuân thủ pháp luật về giao thông đường bộ và đảm bảo theo quy định thời gian, tuyến đường được phép lưu thông của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, không rò rỉ và rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

3. Trong trường hợp chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng thì tuân thủ các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và quy định quản lý chất thải nguy hại đối với trường hợp vận chuyển chất thải nguy hại.

4. Chất thải rắn xây dựng được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi tái chế, xử lý theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ chất thải rắn xây dựng phát sinh theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này.

2. Chuyển giao chất thải rắn xây dựng phát sinh cho các đối tượng sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn xây dựng thông thường để tái sử dụng, tái chế, bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Cơ sở xử lý theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

c) Chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng đã có văn bản thoả thuận hoặc hợp đồng với đối tượng quy định tại điểm a khoản này hoặc hợp đồng với đối tượng quy định tại điểm b khoản này.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Điều 6 của Quy định này và các quy định có liên quan. Không chôn, lấp, đổ, thải hoặc chuyển giao chất thải rắn xây dựng trái quy định pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

2. Chỉ được tiếp nhận chất thải rắn xây dựng của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng khi đã có văn bản thoả thuận hoặc hợp đồng với đối tượng quy định tại các điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định này.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Cơ sở thực hiện tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng có giấy phép môi trường hoặc các văn bản, giấy tờ tương đương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

2. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng từ chủ nguồn thải hoặc từ chủ vận chuyển trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

4. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

5. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý chất thải rắn xây dựng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Địa điểm quy hoạch đổ chất thải rắn từ hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh

Địa điểm quy hoạch đổ chất thải rắn từ hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo phương án quy hoạch các cơ sở, các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC QUẢN LÝ Bùn THẢI TỪ BỂ PHỐT, HÀM CẦU VÀ Bùn THẢI TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 11. Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hàm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hàm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định thời gian, tuyến đường được phép lưu thông của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các quy định khác có liên quan.

2. Chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý thực hiện bằng hình thức hợp đồng hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Phương tiện thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước đáp ứng các yêu cầu:

a) Xe tải bồn kín chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải. Bồn xe có van khoá đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi và phát tán mùi trong quá trình vận chuyển.

b) Thiết bị bơm, hút bùn thải từ bể phốt, hầm cầu đảm bảo không rò rỉ.

c) Có dòng chữ “THU GOM, VẬN CHUYỂN Bùn THẢI TỪ BỂ PHỐT, HẦM CẦU” hoặc “Bùn TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC” phù hợp loại chất thải đang thu gom, vận chuyển ở hai bên thành của phương tiện với kích thước mỗi chiều ít nhất là 20 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu đến địa điểm xử lý.

4. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở tái chế, xử lý chất thải đã được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm xả bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước chưa qua xử lý vào hệ thống thoát nước cũng như môi trường xung quanh.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ nguồn thải bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước tại địa điểm phát sinh theo đúng quy định và chuyển giao cho các đối tượng sau:

a) Cơ sở tái chế, xử lý chất thải đã được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật có chức năng tái chế, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định.

b) Chủ vận chuyển đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

2. Các trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Chỉ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định này.

2. Vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước đến cơ sở tái chế, xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Cung cấp thông tin năng lực thực hiện thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hoạt động kinh doanh để quản lý, công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có) hoặc bằng hình thức khác, đảm bảo thuận tiện cho đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin. Trường hợp có thay đổi so với thông tin đã cung cấp hoặc ngừng hoạt động dịch vụ vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hoạt động kinh doanh để quản lý.

5. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Cơ sở thực hiện tái chế, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước có giấy phép môi trường hoặc các văn bản, giấy tờ tương đương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

2. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước từ chủ nguồn thải hoặc từ chủ vận chuyển trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

4. Lập các báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hoạt động xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước định kỳ tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước của các cơ sở tái chế, xử lý chất thải theo thẩm quyền.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan rà soát đề xuất cập nhật quy hoạch Tỉnh có tích hợp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý chất thải (trong đó bao gồm nội dung địa điểm đổ chất thải rắn từ hoạt động xây dựng) phù hợp với điều kiện thực tế, định hướng phát triển của địa phương.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm của chủ đầu tư xây dựng công trình thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu không đúng quy định khi thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý các hành vi vi phạm của chủ vận chuyển đổ thải chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu không đúng quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước của các cơ sở xử lý theo thẩm quyền.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế

Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra về thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước đối với các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước của tổ chức, cá nhân, xử lý hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, hướng dẫn chủ nguồn thải, chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thực hiện quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13 Quy định này.

2. Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

3. Báo cáo định kỳ công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Tổng hợp danh sách các chủ vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát đăng ký hoạt động kinh doanh và thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn để quản lý, công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có) hoặc bằng hình thức khác, đảm bảo thuận tiện cho đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin.

Điều 17. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị, địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.